

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-ST

Ngày 25-01-2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu hủy
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thường

2. Ông Bùi Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-HC ngày 11 tháng 4 năm 2018, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 10 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2018/QĐST-HC ngày 31/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HC ngày 14/01/2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Anh X – sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bị kiện:

1. UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở: Xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đ – Phó Chủ tịch UBND huyện S, theo văn bản ủy quyền số 1670/QĐ-UBND ngày 10/5/2018.

2. Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đ – Phó Chủ tịch UBND huyện S, theo văn bản ủy quyền số 1670/QĐ-UBND ngày 10/5/2018.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở: Đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P – Chủ tịch UBND xã T.

3. Ông Lữ Thắng B – sinh năm 1956.

Địa chỉ cư trú: Tổ 14, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1958.

5. Chị Lê Thị Anh V – sinh năm 1982.

6. Chị Lê Thị Ánh D – sinh năm 1984.

7. Anh Lê Quốc B1 – sinh năm 1987.

8. Anh Lê Quốc L1 – sinh năm 1989.

9. Chị Lê Thị Minh T1 – sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Nguyễn Thị L, các anh chị Lê Thị Anh V, Lê Thị Ánh D, Lê Quốc B1, Lê Quốc L1, Lê Thị Minh T1: Ông Lê Anh X (địa chỉ cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi), theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2018.

10. Bà Lữ Thị H – sinh năm 1945.

Địa chỉ thường trú: Tổ 17, phường Cộ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Ông Lữ Hòa S – sinh năm 1950.

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

12. Ông Lữ Phương T2 – sinh năm 1962.

Địa chỉ thường trú: Thôn Pó, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

13. Ông Lữ Thành D1 – sinh năm 1964.

Địa chỉ thường trú: Đường L, TDP 02, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

14. Ông Lữ Đình K – sinh năm 1970.

Địa chỉ thường trú: Xóm 2, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

15. Bà Lữ Thị T3 – sinh năm 1972.

Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã T3, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà Lữ Thị H, Lữ Hòa S, Lữ Phương Th2, Lữ Thành D1, Lữ Đình K, Lữ Thị T3: Ông Lữ Thắng B (địa chỉ cư trú: Tổ 14, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), theo các văn bản ủy quyền ngày 12/10/2018, 09/10/2018, 08/10/2018, 29/10/2018 và ngày 24/10/2018.

Tại phiên tòa: Ông Lê Anh X, ông Phạm Đ, ông Đoàn Văn P, ông Lữ Thắng B, bà Nguyễn Thị Thanh T có mặt. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Lê Anh X, đồng thời vừa là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, các anh chị Lê Thị Anh V, Lê Thị Ánh D, Lê Quốc B1, Lê Quốc L1, Lê Thị Minh T1, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 700 m² (trong tổng diện tích thực tế hiện nay là 1.211 m²) trong đó đất ở 200 m², đất vườn là 500 m², xã T nguyên là thửa đất số 293, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.200 m², xã T do ông Lữ Đình X1 (anh ruột ông Lữ Đình Q) quản lý, sử dụng trước năm 1974, đến năm 1975 ông Xu chết nên đất được đưa vào Hợp tác xã K, xã T quản lý, sau đó Hợp tác xã K và UBND xã T sử dụng làm trại hợp đội để làm nơi sinh hoạt chung. Đến tháng 9/1986, xảy ra trận lũ lớn cuốn trôi trại hợp đội. Tháng 12/1986, ông Lê Anh X làm đơn gửi đến cơ quan có thẩm quyền xin đất làm nhà ở vì gia đình đông nhân khẩu, không có nơi ở ổn định. Sau khi xem xét, cơ quan có thẩm quyền đã công nhận cho ông X 200 m² đất ở trên thửa đất 396, tờ bản đồ số 12, xã T, diện tích đất còn lại ông X được giao khoán để sản xuất đất nông nghiệp. Sau đó, ông X xây nhà, đào giếng, làm chuồng bò, chuồng heo và sản xuất trên phần diện tích đất được công nhận và giao khoán. Năm 2003, ông X được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 với diện tích 700 m² tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, (trong tổng diện tích thực tế hiện nay là 1.211 m²) trong đó đất ở 200 m², đất vườn là 500 m², xã T.

Năm 2014, ông Lữ Thắng B là con trai ông Lữ Đình Q, lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, xã T với tổng diện tích 1.211 m², nhưng UBND huyện S không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Ngày 26/4/2014, ông B khiếu nại UBND huyện S về hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Ngày 21/10/2014, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 4354/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lữ Thắng B,

công nhận cho các con ông Lữ Đình Q 1.011 m² trong tổng diện tích 1.211 m² và chỉ công nhận cho ông X 200 m² đất ở thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, xã T. Ngày 19/11/2014, UBND huyện S ban hành Quyết định số 6323/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X.

Ông X khiếu nại Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014, nhưng UBND huyện S ban hành Công văn số 2450/UBND ngày 26/12/2014 hướng dẫn nếu ông X không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại thì ông X khởi kiện hành chính tại Tòa án. Sau đó, ông X gửi đơn khởi kiện đến khắp các cơ quan trên tỉnh do không biết thẩm quyền giải quyết thuộc về cơ quan nào. Một thời gian sau, Tòa án nhân dân huyện S hướng dẫn nên ông X rút đơn khởi kiện Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 và làm đơn khởi kiện Quyết định số 6323/QĐ-UBND, ngày 19/11/2014. Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm đều tuyên hủy Quyết định số 6323/QĐ-UBND số ngày 19/11/2014.

Sau đó, UBND huyện S ra Thông báo số 82/TB-UBND ngày 10/02/2017 về việc sẽ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X. Ngày 23/3/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X. Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 là trái quy định pháp luật về đất đai, xâm phạm đến quyền sử dụng đất của ông X. Ông X đã sử dụng đất ổn định từ năm 1986 đến nay và tại thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất năm 2003, ông B không phát sinh đơn tranh chấp quyền sử dụng đất nên ông X đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B (đại diện), đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², địa chỉ xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Ngoài ra, ông X không còn có yêu cầu nào khác.

Tại các văn bản trình bày ý kiến, và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Đ là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện S và Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, trình bày:

Nguyên nguồn gốc thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12) là của ông Lữ Đình Q (cha đẻ ông Lữ Thắng B). Gia đình ông Q đã làm nhà ở trên thửa đất 293 từ năm 1975 đến tháng 5/1985. Năm 1986, ông Lê Anh X có đơn xin đất để làm nhà ở, được Hợp tác xã nông nghiệp K và UBND xã T ký xác nhận, đồng ý cấp 500 m² đất thuộc thửa đất số 293, diện tích 1.200 m². Sau khi được Hợp tác xã nông nghiệp K và UBND xã T giao đất, ông X tiến hành làm nhà thì gia đình ông Q không đồng ý và ngăn cản không cho làm. UBND xã T

mời ông Q đến trụ sở UBND xã để làm việc và bảo vệ cho ông X làm nhà ở, sự việc không được xem xét, giải quyết dứt điểm và kéo dài đến nay.

Theo sổ Mục kê ruộng đất lập ngày 13/01/1986 đã được Chủ tịch UBND huyện S phê duyệt ngày 30/4/1986: Thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², loại đất T, tờ bản đồ số 08, xã T do ông Lữ Đình Q đứng tên sử dụng (bị gạch ghi lại ông Lê Anh X đứng tên sử dụng 200 m², loại đất T, cột ghi chú ghi: diện tích 200 m² theo đơn ĐKQSDĐ huyện ký ngày 26/8/1992 do Phó Chủ tịch ký Nguyễn Đức L3) tại trang 108, dòng thứ 18. Thửa đất số 117, diện tích 1.322 m², loại đất T, tờ bản đồ số 08, xã T do ông Lữ Đình P1 đứng tên sử dụng tại trang số 101, dòng số 17.

Theo sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) lập ngày 13/01/1986, được UBND huyện S phê duyệt (không ghi ngày tháng năm) thể hiện: Thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², loại đất T, tờ bản đồ số 08, xã T do ông Lữ Đình Q đứng tên quyền sử dụng đất (bị gạch ghi lại ông Lê Anh X đứng tên sử dụng 200 m², loại đất T, cột ghi chú ghi: diện tích 200 m² theo đơn ĐKQSDĐ huyện ký ngày 26/8/1992 do Phó Chủ tịch ký Nguyễn Đức L3) tại trang 85, dòng thứ 05. Thửa đất số 117, diện tích 1.322 m², loại đất T, tờ bản đồ số 08 không có trong sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5b).

Việc ông Q khiếu nại Hợp tác xã nông nghiệp K và UBND xã T thu hồi thửa đất số 293, diện tích 1.200 m² giao cho ông Lê Anh X 500 m² để làm nhà ở vào năm 1986 không đúng quy định của pháp luật, UBND xã T đã giải quyết nhiều lần nhưng không thành, đã có báo cáo, đề nghị UBND huyện S xem xét giải quyết; ông Q cũng đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện S. Qua xem xét báo cáo của UBND xã T và nội dung đơn của ông Q, Chủ tịch UBND huyện S đã thụ lý xem xét giải quyết từ năm 1992, nhưng không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại mà ban hành Quyết định số 678/QĐ-UB ngày 04/9/1992 về việc phê duyệt chỉnh lý biên động và công nhận việc cấp cho ông Lê Anh X 200 m² đất để xây dựng nhà ở, diện tích còn lại giao cho Hợp tác xã nông nghiệp K đăng ký sử dụng nhưng UBND huyện S không tổ chức giao quyết định này cho gia đình ông Q. Ông Q tiếp tục có đơn khiếu nại và làm Giấy xin xác nhận đề ngày 10/4/1997, xin xác nhận thửa đất số 293, diện tích 1.200 m² ông (Lữ Đình Q) đứng tên kê khai, đăng ký quyền sử dụng trong sổ địa chính (Mẫu số 5b), được UBND xã T ghi trực tiếp trong Giấy xin xác nhận có nội dung: *Theo yêu cầu của ông Lữ Đình Q như trong nguyên Giấy xác nhận này là đúng. Nhưng hiện nay do điều kiện đất đai tại địa phương đang có biến động và đang đo đạc chỉnh lý ổn định lại nên chưa đủ điều kiện để các định cho chính các, khi đo đạc xong địa phương sẽ có đủ điều kiện các nhận và cấp giấy cụ thể.* Chủ tịch UBND huyện S tiếp tục thụ lý, xem xét khiếu nại của ông Q và ban hành các quyết định giải quyết có liên quan đến thửa đất số 293, cụ thể: Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07/6/2007 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lữ Thắng B; Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07/6/2007 của Chủ tịch UBND huyện S; Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/4/2009 về việc giải quyết tranh

chấp đất giữa ông Lữ Thắng B với ông Lê Anh X; Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/4/2009 của Chủ tịch UBND huyện S và Công văn số 410/UBND ngày 13/3/2013 trả lời đơn khiếu nại của ông Lữ Thắng B là hết thời hiệu khiếu nại.

Đối với Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B (lần đầu): Đây là vụ việc phức tạp, kéo dài nhiều năm, đã giải quyết nhiều lần nhưng chưa dứt điểm cho đến khi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 05/3/2014. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu Chủ tịch UBND huyện S giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B đối với hành vi hành chính của UBND huyện S về việc từ chối yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất đối với thửa đất số 293, tờ bản đồ số 8, xã T, lập năm 1986 và Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B. Ông Lữ Thắng B khiếu nại yêu cầu công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12, xã T) cho các con của ông Lữ Đình Q là không phù hợp với thực tế lịch sử đất đai để lại:

- Ông Lê Anh X không tự ý chiếm đất của ông Lữ Đình Q tại thửa đất số 293 mà được chính quyền địa phương xã T giao đất để làm nhà ở.

- Việc chính quyền địa phương xã T giao đất cho ông Lê Anh X là đúng đối tượng, ông X đã lập gia đình nhưng chưa có chỗ ở ổn định. Việc giao đất này là phù hợp với thực tế quản lý đất đai tại địa phương lúc bấy giờ.

- Trên thực tế ông Lê Anh X đã xây dựng nhà và ở ổn định tại thửa đất 293 từ năm 1986, đến năm 1992 nhà hư hỏng ông X tiến hành sửa chữa thì gia đình ông Lữ Đình Q ngăn cản.

- Trường hợp công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12, xã T) cho các con của ông Lữ Đình Q thì địa phương không còn đất khác để bố trí cho ông Lê Anh X.

Do đó, Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B đã công nhận cho các con ông Lữ Đình Q diện tích 1.011 m² thuộc một phần thửa 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12, xã T; công nhận cho ông Lê Anh X diện tích 200 m², thuộc một phần thửa đất 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12, xã T là phù hợp với nguyện vọng của ông Lê Anh X tại Biên bản làm việc ngày 02/7/2014 giữa Đoàn xác minh của UBND huyện S và ông Lê Anh X, hợp tình, phù hợp lịch sử quản lý đất đai của địa phương, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại

thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T: Việc UBND huyện S ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 là căn cứ Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B, địa chỉ: Tổ 17, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (lần đầu) và kết luận, đề xuất của Cơ quan Thanh tra huyện S tại Công văn số 29/TTH ngày 10/02/2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T; Thông báo số 82/TB-UBND ngày 10/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện S. Quyết định được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung.

Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B, đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², xã T: Ngày 21/10/2014, Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 4354/QĐ-UBND công nhận cho các con ông Lữ Đình Q diện tích 1.011 m² thuộc một phần thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.211 m², xã T. Theo đề nghị của ông Lữ Thắng B, ngày 21/3/2016 UBND huyện S đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00322 cho đại diện ông Lữ Thắng B tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², xã T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Tại văn bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 8, xã T nguyên trước năm 1975 là của ông Lữ Đình X1. Sau năm 1975, thửa đất này là do ông Lữ Đình Q đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng thực tế từ năm 1986 ông Q không trực tiếp quản lý và sản xuất. Vì tại thời điểm năm 1986, ông Q đã có nhà vườn và nhà ở ổn định tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 8, xã T do ông Lữ Đình Phương đứng tên trong sổ mục kê Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng không có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Thực hiện theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất số 246, tờ bản đồ số 12 biến động theo hồ sơ Nghị định 64/CP do ông Lữ Đình Q kê khai. Thửa đất số 293, tờ bản đồ số 8 là vườn thừa nên Hợp tác xã nông nghiệp K thu hồi giao Đội viên Đội 3 M làm nhà sinh hoạt đội (không có quyết định thu hồi lưu lại). Năm 1986, do lũ lụt trôi nhà sinh hoạt đội, lúc đó ông Lê Anh X không có vườn ở nên ông X có đơn xin đất làm nhà tại thửa đất 293, tờ bản đồ số 8 và được UBND xã T và Hợp tác xã nông nghiệp K thống nhất cấp 500 m² để làm nhà ở. Ông X làm nhà ở ổn định và trực tiếp sản xuất từ năm 1986 đến năm 2012. Do nhà cửa bị hư hỏng, nên ông X xây mới lại nhà ở trên thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, xã T do vẽ theo Nghị định 64/CP, thì ông Lữ Thắng B cản trở, không cho xây dựng nên ông X chuyển về mảnh vườn của cha ruột để ở.

Ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

có số phát hành CC 505130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B. Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện S nên UBND xã T không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Thắng B, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà Lữ Thị H, Lữ Hòa S, Lữ Phương T1, Lữ Thành D, Lữ Đình K, Lữ Thị T2 trình bày:

Ông Lữ Thắng B không đồng ý hủy Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S, vì đây là quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X không đủ điều kiện được cấp.

Về Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S: Ngày 05/11/2014, ông B có đơn khiếu nại Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 vì đã công nhận cho ông X 200 m² đất là vô lý, không có cơ sở. Thửa đất 293, diện tích 1.200 m² là đất ông bà Lữ Đình Q lưu hạ, đã đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Tuy nhiên, sau khi làm việc với Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi, xét thấy vụ việc đã kéo dài quá lâu nên ông B rút đơn khiếu nại và kiến nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo UBND huyện S sớm triển khai thực hiện Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014. UBND huyện S đã thi hành Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 vào ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B đại diện.

Ông B yêu cầu Tòa án giữ nguyên Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S; Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B đại diện đứng tên.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 27/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Ngày 06/12/1986, ông Lê Anh X có đơn xin mảnh vườn của ông Lữ Đình Q để làm nhà, được Hợp tác xã nông nghiệp K ký các nhận và đề nghị UBND xã T xét, cấp mảnh vườn của ông Trần Sinh, thuộc đất 5% của ông Nguyễn Bá, nhưng UBND xã T lại xét, cấp 500 m² đất thuộc thửa đất số 293, diện tích 1.200 m² (gọi là vườn thừa) của ông Lữ Đình Q. Sau khi được cấp đất, ông X tiến hành làm nhà ở thì gia đình ông Lữ Đình Q ra ngăn cản, UBND xã T mời ông Q về trụ sở UBND xã làm việc và bảo vệ cho ông X làm nhà. Gia đình ông Lữ Đình Q phát sinh đơn khiếu nại, nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết dứt điểm.

Đến tháng 02/1992, ông X tháo dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới, gia đình ông Q tiếp tục ngăn cản và có các đơn khiếu nại đề ngày 24/02/1992, 06/4/1992, 08/4/1992, 18/4/1992 yêu cầu giải quyết trả lại thửa đất số 293/1.200 m² cho gia đình ông sử dụng. Ban quản lý đất đai huyện S phối hợp với UBND xã T lập

biên bản giải quyết tranh chấp nhà vườn ở ngày 14/3/1992, có nội dung: “Căn cứ Điều 4 Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989, thì việc làm nhà của ông Lê Anh X hợp lý, nhưng chưa hợp pháp, vì chưa được cấp có thẩm quyền ký quyết định cho phép; ông Lê Anh X phải làm lại đơn xin đất làm nhà ở nơi khác, Chính quyền địa phương xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền ký quyết định giao đất đó lại cho ông Lữ Đình Q, vì thửa đất ông Lê Anh X đang ở, ông Lữ Đình Q đứng đăng ký quyền sử dụng đất trong Sổ địa chính của Nhà nước vào ngày 13/01/1986, được UBND huyện phê duyệt ngày 30/4/1986 nên ông Lữ Đình Q là người sử dụng mảnh vườn trên hợp pháp”. Tại Biên bản kiểm tra hồ sơ địa chính ngày 24/4/1992, xác nhận: “Theo sổ mục kê (mẫu 5b) quyển số 01, trang 85, dòng thứ tự số 05, lập năm 1986 đã được UBND huyện S phê duyệt ngày 30/4/1986, thì ông Lữ Đình Q đứng tên đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², loại đất thổ cư”.

Ngày 16/7/1992, UBND huyện S làm việc với UBND xã T kết luận: “Thửa đất số 293, ông Lữ Đình Q đứng tên đăng ký sử dụng trong sổ địa chính (Mẫu số 5b), nhưng thực tế Hợp tác xã đã quản lý. Việc xã cấp 500 m² đất cho ông X vào năm 1986 là đúng”; giao cho UBND xã T mời ông Lữ Đình Q làm việc thông báo kết quả giải quyết của UBND huyện S và xã có trách nhiệm lập thủ tục đề nghị huyện chỉnh lý biến động; tiến hành cắm mốc giới giao cho ông X được sử dụng 500 m².

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, UBND xã T mời ông Lữ Đình Q làm việc ngày 24/7/1992, nhưng ông Q không đồng ý. UBND xã có Báo cáo (không số) đề ngày 26/7/1992 đề nghị các cơ quan chức năng của huyện hỗ trợ để UBND xã thực hiện kết luận của UBND huyện nói trên. Vụ việc chưa được xem xét, giải quyết dứt điểm, nhưng UBND huyện S lại ban hành Quyết định số 678/QĐ-UB ngày 04/9/1992 về việc phê duyệt chỉnh lý biến động và công nhận việc cấp cho ông Lê Anh X 200 m² đất để xây dựng nhà ở; Quyết định này UBND huyện không giao cho gia đình ông Lữ Đình Q nên ông Q vẫn tiếp tục có đơn khiếu nại đề ngày 12/8/1995 và làm “Giấy xác nhận” đề ngày 10/4/1997, xin xác nhận thửa đất số 293, diện tích 1.200 m² do ông (Lữ Đình Q) đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng trong sổ địa chính (Mẫu số 5b), được UBND xã T xác nhận: “Theo yêu cầu của ông Lữ Đình Q như trong Giấy xin xác nhận này là đúng. Nhưng hiện nay do điều chỉnh lại nên chưa đủ điều kiện để xác định cho chính xác, khi đo đạc xong địa phương sẽ có đủ điều kiện xác nhận và cấp giấy cụ thể”.

Ngày 20/5/1997, ông Lê Anh X sửa chữa lại nhà, vợ chồng ông Lữ Đình Q, bà Phạm Thị Trúc tiếp tục ra ngăn cản và viết Giấy ủy quyền đề ngày 12/6/1998 cho ông Lữ Thắng B (con trai ông Q) tiếp tục khiếu nại đòi quyền sử dụng thửa đất số 293 (UBND xã T xác nhận ngày 17/6/1998). Ngày 13/10/1998, UBND huyện S thành lập Đoàn thanh tra liên ngành đã tiến hành thẩm tra, xác minh, có Báo cáo số 10/BC-KL ngày 27/4/1999. UBND huyện S có Công văn số 283/UB ngày 08/5/1999, chỉ đạo Chủ tịch UBND xã T và Trưởng Phòng Địa chính huyện S tổ chức thực hiện việc cấp đất cho ông Lê Anh X đúng với Quyết

định số 678/QĐ-UB ngày 04/9/1992 của UBND huyện S. Diện tích đất còn lại của thửa đất số 293 giao cho UBND xã T quản lý, sử dụng. Ngày 02/10/1999, UBND xã T thực hiện đo, cấp cho hộ ông Lê Anh X 200 m² đất ở (mặt tiền theo đường hương lộ 10m, dài 20m). Diện tích còn lại UBND xã T dự kiến thu hồi để xây dựng 02 ngôi nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách.

Ngày 12/10/1999, ông Lữ Thắng B tiếp tục có đơn khiếu nại. Sở Địa chính tỉnh (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh) có Công văn số 1490/ĐC ngày 26/11/1999 gửi UBND huyện S, có nội dung: “*Quyết định số 678/QĐ-UB ngày 04/9/1992 của UBND huyện S phê duyệt chỉnh lý biến động và công nhận đất cho ông Lê Anh X dùng để xây dựng nhà ở...chưa phải là Quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Lữ Đình Q. Hơn nữa, Quyết định không phát hành đến đối tượng phải điều chỉnh và đến tháng 4/1997 UBND xã T còn xác nhận ông Lữ Đình Q là người kê khai đứng tên trong sổ địa chính đối với thửa đất 293, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.200 m²,... Sở Địa chính đề nghị UBND huyện S xem xét ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Lữ Thắng B (có ủy quyền khiếu nại của ông Lữ Đình Q) đúng thẩm quyền và đúng quy định*”.

Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 17/11/2006 thành lập Đoàn thanh tra để phúc tra, xác minh đơn khiếu nại của ông Lữ Thắng B và ban hành Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 01/6/2007, giải quyết: “*Công nhận Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 04/9/1992 của UBND huyện S về việc phê duyệt biến động và công nhận cấp đất cho ông Lê Anh X dùng để xây dựng nhà ở là đúng tại thời điểm lúc bấy giờ. Việc khiếu nại của ông Lữ Thắng B đối với việc UBND xã T, HTXNN K lấy toàn bộ diện tích 1.200 m², thuộc số thửa 293, tờ bản đồ số 08 (nay thuộc số thửa 396, tờ bản đồ số 12) của cha ông để cấp cho ông Lê Anh X là có cơ sở, do đó giao phần đất còn lại cho ông Lữ Thắng B sau khi đã cấp cho ông Lê Anh X 200 m² là hợp pháp. Thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông Lê Anh X theo Quyết định số 1096/2003/QĐ-UB ngày 29/12/2003 của UBND huyện S, có diện tích tổng cộng là 700 m², vì đã cấp không đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003*”.

Ông Lữ Thắng B có đơn khởi kiện vụ việc đến Tòa án nhân dân huyện S và Tòa án đã thụ lý vụ án hành chính số 01/2008/TLST ngày 21/3/2008. UBND huyện S lại có Công văn số 903/UBND ngày 10/10/2008 về việc chấm dứt thực hiện Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 01/6/2007 và đề nghị Tòa án nhân dân huyện S xem xét đình chỉ vụ án, để UBND huyện thành lập Đoàn thanh tra phúc tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Anh X và xem xét, giải quyết đơn khiếu nại của ông Lữ Thắng B theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 16/01/2009, UBND huyện S ban hành Quyết định số 75/QĐ-UBND thành lập Đoàn Thanh tra đã tiến hành phúc tra, xác định là vụ tranh chấp đất giữa ông Lữ Thắng B với ông Lê Anh X, có Kết luận số 352/KLTT-UBND ngày 14/4/2009 và Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/4/2009 về việc giải quyết tranh chấp giữa ông Lữ Thắng B với ông Lê Anh X: “*Công nhận thửa đất số 396, diện tích 1.211 m² (diện tích đo thực tế), tờ bản đồ số 12 cho ông Lữ Thắng B. Thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử*

dụng đất số 02555/QSĐĐ đã cấp cho ông Lê Anh X”.

Ông Lê Anh X không đồng ý, có đơn khiếu nại. UBND huyện S ban hành Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 16/5/2009 thành lập Đoàn thanh tra thẩm tra, xác minh có Báo cáo số 307/BCKQ-ĐTTra ngày 29/10/2012 và UBND huyện S có Kết luận số 1823/KL-UBND ngày 06/11/2012 về kết quả thẩm tra, soát xét đơn khiếu nại của ông Lê Anh X. Đồng thời, có Công văn số 1824/UBND và Công văn số 1825/UBND cùng ngày 06/11/2012 gửi cho ông Lê Anh X và ông Lữ Thắng B thông báo kết quả xem xét, xử lý nội dung khiếu nại của ông Lê Anh X và ông Lữ Thắng B có nội dung cơ bản là thu hồi, hủy bỏ Quyết định 680/QĐ-UBND ngày 14/4/2009, với lý do cho rằng Quyết định giải quyết tranh chấp đất nêu trên chưa xác định đúng nội dung và mối quan hệ pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ việc, yêu cầu ông thực hiện.

Ông Lữ Thắng B có đơn đề ngày 03/02/2013 khiếu nại việc UBND huyện S không ban hành quyết định giải quyết dứt điểm khiếu nại của ông đối với Quyết định số 678/QĐ-UB ngày 04/9/1992 của UBND huyện S. Chủ tịch UBND huyện S có Công văn số 410/UBND ngày 13/3/2013, trả lời không xem xét, thụ lý, giải quyết khiếu nại vì đã hết thời hiệu. Không đồng ý ông Lữ Thắng B tiếp tục có đơn khiếu nại đề ngày 25/3/2013; Chủ tịch UBND huyện S chỉ đạo Thanh tra huyện rà soát vụ việc, có Báo cáo số 113/BC-TTH ngày 09/5/2013. Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 giải quyết bác đơn khiếu nại. Ông Lữ Thắng B có đơn khiếu nại đề ngày 20/5/2013 đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Chủ tịch UBND tỉnh giao Chánh Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh tại Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 09/7/2013.

Căn cứ quy định của pháp luật đất đai thì thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân là cấp UBND huyện, thành phố thuộc tỉnh. Căn cứ vào pháp luật về giải quyết khiếu nại: Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân ngày 27/11/1981; Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân ngày 07/5/1991; Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật khiếu nại năm 2011, thì việc Chủ tịch UBND huyện S từ chối không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B về quyền sử dụng thửa đất số 293, diện tích 1.200 m² với lý do hết thời hiệu là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 giải quyết công nhận nội dung đơn của ông Lữ Thắng B khiếu nại đối với Công văn số 410/UBND ngày 13/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện S; yêu cầu Chủ tịch UBND huyện S thụ lý, giải quyết lần đầu đối với khiếu nại của ông Lữ Thắng B về hành vi hành chính từ chối yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T, lập năm 1986 là có cơ sở pháp lý và thực tiễn.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do có đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành đối thoại được; ông Lê Anh X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn không thu hồi hay hủy bỏ các quyết định bị khiếu nại cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Lê Anh X tại phiên tòa: Đất đã được Nhà nước cấp cho ông X từ năm 1986, đến năm 2003 thì ông X được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSDĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 với diện tích 700 m² tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, (trong tổng diện tích thực tế hiện nay là 1.211 m²) trong đó đất ở 200 m², đất vườn là 500 m², xã T. Đến năm 2014, ông B khiếu nại hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện S là không phù hợp, trường hợp này ông B phải khởi kiện đến Tòa án, nhưng UBND huyện S thụ lý đơn khiếu nại của ông B và ban hành Quyết định số 4354/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông B là không đúng pháp luật, sai về trình tự, thủ tục, hình thức và nội dung. Ông X không hiểu biết pháp luật nên rút đơn khiếu nại Quyết định số 4354/QĐ-UBND, là do sự hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là nguyên nhân khách quan, không phải là lỗi chủ quan của ông X, nên không thể nói hết thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 4354/QĐ-UBND. Do Quyết định số 4354/QĐ-UBND ban hành sai về trình tự, hình thức và nội dung nên UBND huyện S ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X là không đúng trình tự, thủ tục. Ông X là người được Hợp tác xã cấp đất, nên nếu ông X không được cấp và không ở thì người khác cũng ở chứ ông B không được ở. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B (đại diện), đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², địa chỉ xã T là không đúng pháp luật vì thửa đất này UBND huyện S đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông X chưa bị thu hồi.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh X. Tuyên hủy các Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B (đại diện), đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², địa chỉ xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quy

định của Luật tổ tụng hành chính. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi chưa thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh X. Tuyên hủy Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thăng B (đại diện), đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², địa chỉ xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; hủy Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thăng B vì có liên quan đến Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh X về việc hủy Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Ngày 21/10/2014, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 4354/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lữ Thăng B, công nhận cho các con ông Lữ Đình Q (cha đẻ của ông Lữ Thăng B) 1.011 m² đất trong tổng diện tích đất 1.211 m² và chỉ công nhận cho ông Lê Anh X 200 m² đất ở thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, xã T (viết tắt là Quyết định số 4354/QĐ-UBND).

Ngày 21/3/2016, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 cho ông Lữ Thăng B (đại diện) đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², xã T (viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016).

Ngày 23/3/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSDĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T (viết tắt là Quyết định số 827/QĐ-UBND).

Quyết định số 827/QĐ-UBND; Quyết định số 4354/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016 là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật tổ tụng hành chính.

Sau khi nhận được Quyết định số 827/QĐ-UBND, ông Lê Anh X cho rằng Quyết định số 827/QĐ-UBND trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ngày 19/3/2018 ông Lê Anh X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 827/QĐ-UBND; Quyết định số 4354/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016 là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung:

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và tính hợp pháp của các quyết định hành chính:

[3.1] Đối với Quyết định số 4354/QĐ-UBND:

Ngày 05/3/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 274/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 20/5/2013 của ông Lữ Thắng B khiếu nại Công văn số 410/UBND ngày 13/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện S về việc trả lời hết thời hiệu, không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B đòi quyền sử dụng thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T (lập năm 1986), đồng thời yêu cầu Chủ tịch UBND huyện S giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B đối với hành vi hành chính của UBND huyện S về việc từ chối yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất đối với thửa đất số 293, tờ bản đồ số 8, xã T (lập năm 1986). Sau khi có Quyết định số 274/QĐ-UBND, ngày 26/4/2014 ông Lữ Thắng B có đơn khiếu nại đối với hành vi hành chính của UBND huyện S về việc từ chối yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất đối với thửa đất số 293, tờ bản đồ số 8, xã T (năm 1986) cho gia đình ông.

Về nguồn gốc thửa đất 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12) là của ông Lữ Đình Q (cha đẻ ông Lữ Thắng B). Gia đình ông Q đã làm nhà ở trên thửa đất 293 từ năm 1975 đến tháng 5/1985. Năm 1986, ông Lê Anh X có đơn xin đất để làm nhà ở, được Hợp tác xã nông nghiệp K và UBND xã T ký xác nhận, đồng ý cấp 500 m² đất (trong diện tích 1.200 m²) thuộc thửa đất số 293. Sau khi được Hợp tác xã nông nghiệp K và UBND xã T giao đất, ông X tiến hành làm nhà thì gia đình ông Q không đồng ý và ngăn cản không cho làm. UBND xã T mời ông Q đến trụ sở UBND xã để làm việc và bảo vệ cho ông X làm nhà ở, sự việc không được xem xét, giải quyết dứt điểm và kéo dài đến nay.

Theo sổ Mục kê ruộng đất lập ngày 13/01/1986 đã được Chủ tịch UBND huyện S phê duyệt ngày 30/4/1986: Thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², loại đất T, tờ bản đồ số 08, xã T do ông Lữ Đình Q đứng tên sử dụng (bị gạch ghi lại ông Lê Anh X đứng tên sử dụng 200 m², loại đất T, cột ghi chú ghi: diện tích 200 m² theo đơn ĐKQSDĐ huyện ký ngày 26/8/1992 do Phó Chủ tịch Nguyễn Đức L3 ký) tại trang 108, dòng thứ 18.

Theo sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) lập ngày 13/01/1986, được UBND huyện S phê duyệt (không ghi ngày tháng năm) thể hiện: Thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², loại đất T, tờ bản đồ số 08, xã T do ông Lữ Đình Q đứng tên quyền sử dụng đất (bị gạch ghi lại ông Lê Anh X đứng tên sử dụng 200 m², loại đất T, cột ghi chú ghi: diện tích 200 m² theo đơn ĐKQSDĐ huyện ký ngày 26/8/1992 do Phó Chủ tịch Nguyễn Đức L3 ký) tại trang 85, dòng thứ 05.

Việc ông Q khiếu nại Hợp tác xã nông nghiệp K và UBND xã T thu hồi thửa đất số 293, diện tích 1.200 m² giao cho ông Lê Anh X 500 m² để làm nhà ở vào năm 1986 không đúng quy định của pháp luật, UBND xã T đã giải quyết nhiều lần nhưng không thành, đã có báo cáo, đề nghị UBND huyện S xem xét giải quyết; ông Q cũng đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện S; Qua xem xét báo cáo của UBND xã T và nội dung đơn của ông Q, Chủ tịch UBND huyện S đã thụ lý xem xét giải quyết từ năm 1992, nhưng không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại mà ban hành Quyết định số 678/QĐ-UB ngày 04/9/1992 về việc phê duyệt chỉnh lý biên động và công nhận việc cấp cho ông Lê Anh X 200 m² đất để xây dựng nhà ở, diện tích còn lại giao cho Hợp tác xã nông nghiệp K đăng ký sử dụng nhưng UBND huyện S không tổ chức giao quyết định này cho gia đình ông Q. Ông Q tiếp tục có đơn khiếu nại và làm Giấy xin xác nhận đề ngày 10/4/1997, xin xác nhận thửa đất số 293, diện tích 1.200 m² ông (Lữ Đình Q) đứng tên kê khai, đăng ký quyền sử dụng trong sổ địa chính (Mẫu số 5b), được UBND xã T ghi trực tiếp trong Giấy xin xác nhận có nội dung “*Theo yêu cầu của ông Lữ Đình Q như trong nguyên Giấy xác nhận này là đúng. Nhưng hiện nay do điều kiện đất đai tại địa phương đang có biến động và đang đo đạc chỉnh lý ổn định lại nên chưa đủ điều kiện để xác định cho chính xác, khi đo đạc xong địa phương sẽ có đủ điều kiện xác nhận và cấp giấy cụ thể*”. Chủ tịch UBND huyện S tiếp tục thụ lý, xem xét khiếu nại của ông Q và ban hành các quyết định giải quyết có liên quan đến thửa đất số 293, cụ thể: Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07/6/2007 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lữ Thắng B; Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07/6/2007 của Chủ tịch UBND huyện S; Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/4/2009 về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Lữ Thắng B với ông Lê Anh X; Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/4/2009 của Chủ tịch UBND huyện S và Công văn số 410/UBND ngày 13/3/2013 trả lời đơn khiếu nại của ông Lữ Thắng B là hết thời hiệu khiếu nại.

Trong khi UBND huyện S chưa giải quyết xong tranh chấp đất đai giữa ông Lữ Đình Q và ông Lê Anh X, thì vào ngày 15/8/2002 ông Lê Anh X làm

đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 700 m², và được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02555/QSDĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 cho hộ ông Lê Anh X đối với thửa đất 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 700 m².

Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại UBND cấp xã mà không thành thì được giải quyết như sau:*
1. Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết”.

Như vậy, thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12) do ông Lữ Đình Q đứng tên trong sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) lập ngày 13/01/1986, và một phần diện tích UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02555/QSDĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 cho hộ ông Lê Anh X. Nhưng Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B là không thuộc thẩm quyền theo điều luật đã viện dẫn trên. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh X về việc hủy Quyết định số 4354/QĐ-UBND, ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S.

[3.2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016:

Ngày 19/11/2014. UBND huyện S ban hành quyết định số 6323/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Anh X cấp ngày 29/12/2003 tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², trong đó có 200 m² đất ở lâu dài và 500 m² đất vườn, tờ bản đồ số 12 xã T. Lý do thu hồi là cấp không đúng diện tích. Ngày 10/10/2015, ông X có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện S yêu cầu hủy quyết định số 6323/QĐ-UBND. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 26/5/2016 và Tại bản án hành chính phúc thẩm số 05/2016/HC-PT ngày 08/8/2016 đều tuyên hủy quyết định số 6323/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND huyện S.

Ngày 31/12/2014, UBND tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 6194/UBND-TCD về việc chỉ đạo giải quyết nội dung đề nghị của công dân đã chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện S phối hợp với UBND xã T khẩn trương tổ chức thực hiện nội dung tại Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S. Cụ thể giao đất trên thực địa cho các con của ông Lữ Đình Q sử dụng để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho công dân. Việc thực hiện phải bảo đảm hoàn thành trong Quý I/2015. Báo cáo UBND tỉnh và Thanh Tra tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 31/3/2015.

Thực hiện việc chỉ đạo trên, ngày 21/3/2016 UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lữ Thắng B (đại diện) tại thửa đất số 396, diện tích 1.011 m², trong đó có 1.000 m² đất ở lâu dài và 11 m² đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 12, xã T.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lữ Thắng B (đại diện) vào ngày 21/3/2016 trong khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Anh X vào ngày 29/12/2003 tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², trong đó có 200 m² đất ở lâu dài và 500 m² đất vườn, tờ bản đồ số 12 xã T vẫn còn tồn tại chưa bị thu hồi. Mãi đến ngày 23/3/2017, UBND huyện S mới ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T.

Như vậy, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B là không đúng quy định tại Điều 100, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh X về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/2016 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với Quyết định số 827/QĐ-UBND:

Ngày 08/02/2017, Thanh tra huyện S có Công văn số 29/TTH về việc kiến nghị UBND huyện S thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UBND ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T.

Ngày 10/02/2017, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Thông báo số 82/TB-UBND cho ông Lê Anh X về việc UBND huyện S sẽ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 2 xã T.

Ngày 23/3/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T. Lý do thu hồi là không đủ điều kiện được cấp. Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai).

Về nội dung thu hồi: Như đã nhận định trên thì ông Lữ Đình Q (cha đẻ của ông Lữ Thắng B) đã khiếu nại từ năm 1986 việc Hợp tác xã nông nghiệp K và UBND xã T thu hồi thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12) của ông Lữ Đình Q cấp cho gia đình ông Lê Anh X. Chủ tịch UBND huyện S đã thụ lý từ năm 1992, nhưng không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và cũng không có Quyết định thu hồi thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12) của ông Lữ Đình Q.

Ngày 29/3/2003, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T trong khi đất đang có tranh chấp là vi phạm Điều 21 Luật đất đai năm 1993, Chương 2 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, UBND huyện S ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Anh X là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, xét yêu cầu của ông Lê Anh X về việc hủy Quyết định số 827/QĐ-UBND là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X.

[3.4] Đối với Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:

Như đã nhận định trên thì thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12) do ông Lữ Đình Q đứng tên trong sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) lập ngày 13/01/1986, và một phần diện tích đất đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02555/QSĐĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 cho hộ ông Lê Anh X. Do đó, việc giải quyết tranh chấp đai đai đối với thửa đất này giữa ông Lữ Đình Q với ông Lê Anh X (sau khi ông Lữ Đình Q chết thì ông Lữ Thắng B tiếp tục tranh chấp) do Tòa án nhân dân giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 13/3/2013, Chủ tịch UBND huyện S có Công văn số 410/UBND trả lời không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B đòi lại quyền sử dụng thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 (nay là thửa đất số 396, diện tích 1.211 m², tờ bản đồ số 12) là đúng các điều luật đã viện dẫn trên. Nhưng sau khi ông Lữ Thắng B có đơn khiếu nại đối với Công văn số 410/UBND, thì Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi lại ban hành Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Lữ Thắng B đối với Công văn số 410/UBND, đồng thời buộc Chủ tịch UBND huyện S thụ lý, giải quyết lần đầu đối với khiếu nại của ông Lữ Thắng B yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất số 293, diện tích 1.200 m², tờ bản đồ số 8, xã T lập năm 1986 cho gia đình ông là không đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải hủy quyết định này.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Anh X phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí: UBND huyện S và Chủ tịch UBND huyện S, mỗi đương sự

phải chịu 300.000 án phí hành chính sơ thẩm. Ông Lê Anh X không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 21, khoản 3 Điều 38 Luật đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 106, Khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Chương 2 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều 18, điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh X. Tuyên hủy Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lữ Thắng B; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CC 505130, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00322 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/3/2016 cho ông Lữ Thắng B (đại diện), đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.011 m², địa chỉ xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh X về việc yêu cầu hủy Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02555/QSDĐ/1096/QĐ-UB ngày 29/12/2003 đã cấp cho hộ ông Lê Anh X tại thửa đất số 396, diện tích 700 m², tờ bản đồ số 12, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tuyên hủy Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Lữ Thắng B.

4. Về án phí sơ thẩm:

UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Lê Anh X không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng